



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN
CÂY XANH VÀ ĐÔ THỊ VŨNG TÀU

NỘI DUNG

I. Lịch sử hoạt động của Công ty	3
1. Quá trình hình thành và phát triển	3
2. Thành tựu trong hoạt động SXKD	5
3. Định hướng phát triển	5
II. Báo cáo của Hội đồng quản trị	6
1. Kết quả hoạt động trong năm	6
2. Những thay đổi chủ yếu trong năm	7
3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai	7
III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	7
1. Báo cáo tình hình tài chính	7
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh qua các năm	9
3. Báo cáo tình hình các khoản vay	10
4. Báo cáo thù lao HĐQT	10
5. Những tiến bộ công ty đạt được	10
6. Kế hoạch kinh doanh năm 2011	10
IV. Báo cáo tài chính	12
V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán	12
VI. Các công ty có liên quan	12
1. Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp tại Công ty	12
2. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức	12
3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan đến 31/12/2010	12
VII. Tổ chức và nhân sự	12
1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	13
2. Các cá nhân trong Ban điều hành	14
3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm	15
4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.....	15
5. Thay đổi TV. HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, KT. trưởng	16
VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty	17
1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	17
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại ngày 31/12/2010.....	19

I LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY :

1. Quá trình hình thành và phát triển :

Năm 1993 Công Ty Lâm Viên Cây Xanh được thành lập theo quyết định số 463/QĐ.UB ngày 10/07/1993 của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Trong thời gian hoạt động này, công ty là đơn vị sự nghiệp có thu và hạch toán độc lập.

Năm 1999, chuyển đổi thành doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 289/QĐ.UB ngày 7/6/1999 của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thành lập công ty Lâm Viên Cây Xanh Thành Phố Vũng Tàu – Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thành lập doanh nghiệp công ích (hoạt động theo luật doanh nghiệp nhà nước).

Công Ty Lâm Viên Cây Xanh Thành Phố Vũng Tàu là doanh nghiệp hoạt động công ích, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Tổ chức doanh nghiệp theo hình thức ; Doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập hoạt động công ích.

Công ty chịu sự quản lý nhà nước của UBND Thành Phố Vũng Tàu, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan chức năng có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của công ty.

Năm 2009 Công ty chuyển thành công ty cổ phần Phát Triển Công Viên Cây xanh & Đô Thị Vũng Tàu theo quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 8/5/2009 của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 10/7/2009 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 4/12/2009. Công ty hoạt động theo luật doanh nghiệp 2005.

Tổ chức và hoạt động của công ty Cổ Phần Phát Triển Công Viên Cây Xanh & Đô Thị Vũng Tàu luôn tuân thủ theo những quy định của pháp luật cũng như theo điều lệ của công ty đã được Đại Hội Cổ Đông thông qua.

* Giới thiệu sơ lược về công ty :

– Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN CÂY XANH VÀ ĐÔ THỊ VŨNG TÀU**

– Tên tiếng Anh : **VUNG TAU URBAN AND PARKS DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY**

– Tên viết tắt : **VT.UPC**

– Logo : 

– Vốn điều lệ : 34.000.000.000 đồng (Ba mươi bốn tỷ đồng)

– Trụ sở chính : 221 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu

– Điện thoại : (064) 3852 704 Fax: (064) 3523 162

- Email : info@lamviencayxanhvt.com
- Website : www.lamviencayxanhvt.com
- Giấy CNĐKKD : Số 3500144358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 10/07/2009 và thay đổi lần thứ 01 ngày 04/12/2009.
- Tài khoản : 76010000004297 Tại Ngân Hàng Đầu Tư Phát Triển Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*** Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty:**

- Quản lý chăm sóc, bảo vệ, duy tu, sửa chữa, tôn tạo và trồng mới các công viên cây xanh;
- Nghiên cứu khoa học, nhân tạo giống trồng, hoa cây cảnh, vườn ươm;
- Tư vấn ươm, trồng, chăm sóc cây xanh, cây cảnh;
- Thi công công trình công viên cây xanh, khuôn viên sân vườn, hoa tiểu cảnh, hồ nước nghệ thuật, trang trí điện nghệ thuật;
- Thi công công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị, đường giao thông, cầu cống, điện, cấp thoát nước đô thị và nông thôn, thủy lợi;
- San lấp mặt bằng công trình;
- Nạo vét ao hồ, kênh mương;
- Thi công hệ thống tưới nước tự động;
- Thi công các công trình điện dân dụng và công nghiệp đến 35KV;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng;
- Thiết kế kiến trúc công trình;
- Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng;
- Kinh doanh hoa cây cảnh, phân bón, chậu cảnh và các thiết bị chăm sóc cây cảnh;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch (ăn uống, phòng nghỉ, vận chuyển khách...)
- Khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ gỗ;
- Kinh doanh xăng dầu, chất đốt;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Cho thuê xe dân dụng;
- Khoan các loại giếng;
- Nuôi trồng, chế biến và kinh doanh thủy hải sản;
- Kinh doanh các dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh và chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi;
- Kinh doanh khai thác mỏ, đất, nước, cát, đá.
- Địa bàn hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ngay từ khi chuyển sang mô hình Công ty cổ phần (10/07/2009), với ngành nghề kinh doanh truyền thống là cung cấp dịch vụ quản lý, chăm sóc,

tôn tạo, xây dựng mới các công viên – lâm viên cây xanh, Công ty đã làm ăn có lãi và lợi nhuận tăng liên tục theo thời gian. Đó là nhờ Công ty đã chủ động sắp xếp lại bộ máy tổ chức nhân sự gọn nhẹ, từng bước tiết kiệm chi phí, đồng thời gia tăng việc thiết lập mạng lưới khách hàng.

2. Thành tựu trong hoạt động sản xuất :

Công ty được thành lập năm 1993 chỉ với 50 cán bộ công nhân viên, trong đó trình độ cán bộ chỉ mới có 02 đại học, phương tiện sản xuất chỉ có một chiếc xe thu hồi thời chiến tranh để lại ..., ngân sách cấp từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng /năm. Nhiệm vụ của công ty là chăm sóc 1.900m² công viên, 1.500 cây xanh, chủ yếu là chăm sóc cây do nhân dân trồng từ thời Pháp thuộc để lại trên địa bàn thành phố.

Năm 1999 công ty chuyển thành doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập và hoạt động lĩnh vực công ích. Đây là giai đoạn công ty phát triển nhanh nhất cả về mặt đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, con người và kiến thiết nhiều công trình cây xanh công ích cho Thành Phố Vũng Tàu, cụ thể :

- Khối lượng duy trì và chăm sóc công viên gần 50 ha, hơn 28.000 cây xanh các loại và bảo vệ rừng cảnh quan là : 458ha.

- Doanh thu tăng dần qua các năm : từ 5 tỷ (năm 2003) lên đến 87 tỷ (năm 2010). Lợi nhuận cũng tăng dần theo từ 300 triệu đồng (năm 2003) lên đến 8 tỷ đồng (năm 2010).

- Tổng số cán bộ công nhân viên công ty lên đến hơn 400 người(năm 2010). Riêng Cán bộ nhân viên văn phòng gần 50 người, trong đó có 47 người là cán bộ có trình độ đại học và cao đẳng.

- Mô hình tổ chức được mở rộng gồm có : Ban Giám Đốc, 5 phòng ban, 7 đội và 04 xí nghiệp sản xuất trực thuộc.

Những ghi nhận :

- Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ số 1976/QĐ/TTg ngày 28/10/2010 về việc đã có nhiều thành tích trong công tác từ năm 2007-2009, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc.

- UBND Tỉnh BR-VT tặng “ Giải thưởng ngọn Hải Đăng năm 2009” tại quyết định số 2524/QĐND ngày 11/10/2010.

- Giấy khen của UBND Thành Phố Vũng Tàu về “ Đã có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua điển hình tiên tiến 5 năm 2005-2009”

- Doanh nghiệp được xếp hạng I kể từ ngày 01/01/2011 theo quyết định số 215/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2010 của HĐQT Công Ty Cổ Phần Phát Triển Công Viên Cây Xanh & Đô Thị Vũng Tàu đã được Sở Lao Động Thương Binh Xã Hội Tỉnh BR-VT đồng ý tại công văn số 115/LĐT BXH-CSATLĐ ngày 17/01/2011.

3. Định hướng phát triển :

3.1 Mục tiêu :

- Trở thành một công ty hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ liên quan đến chăm sóc, xây dựng các công trình cây xanh, không những cho các tổ chức, cơ quan mà còn mở rộng đến hộ gia đình. Ngoài ra công ty sẽ phát triển thêm các hoạt động thương mại và hoạt động đầu tư vào những ngành khác mà công ty

có lợi thế. Những định hướng phát triển của công ty hoàn toàn phù hợp với chính sách phát triển của chính phủ.

3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

- Phát triển doanh nghiệp bền vững, tăng trưởng bình quân từ 10% đến 15% mỗi năm.

- Đầu tư phát triển hệ thống vườn ươm nhân giống, nuôi, cấy, ghép mô, phát triển giống mới, chủ động nguồn giống duy trì công viên cây xanh trong Thành Phố Vũng Tàu và các dịch vụ khác.

- Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác, liên doanh, liên kết kinh tế với các công ty và địa phương khác trong nước để tổ chức kinh doanh mở rộng thị trường. Tăng cường đấu thầu và thi công các công trình ngoài để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận cho công ty.

II BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY :

1. Kết quả hoạt động trong năm :

Kinh tế thế giới đã có nhiều biến chuyển lớn trong năm 2010, hầu hết các nền kinh tế chủ chốt đã vượt qua đáy khủng hoảng và suy thoái. Tuy vậy, quá trình phục hồi kinh tế toàn cầu cũng vấp phải nhiều khó khăn và còn hàm chứa nhiều rủi ro. Kinh tế Việt Nam không chịu nhiều tác động trực tiếp từ khủng hoảng tài chính toàn cầu, tuy nhiên đây cũng chính là nguyên nhân khiến Việt Nam mất đi cơ hội để đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế. Những tồn tại tích lũy trong nhiều năm qua từ các chính sách, mô hình kinh tế, cơ cấu kinh tế tiếp tục bộc lộ trong năm nay, tạo ra những căng thẳng về lạm phát.

Trong bối cảnh đó, bằng sự nỗ lực sáng tạo và đầy trách nhiệm của tập thể cán bộ công nhân viên, công ty Cổ Phần Phát Triển Công Viên Cây Xanh & Đô thị Vũng Tàu đã vượt qua mọi khó khăn, quyết tâm đạt mục tiêu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do Đại Hội Cổ Đông đề ra.

Cụ thể kết quả sản xuất kinh doanh của công ty năm 2010 như sau :

Đơn vị tính : triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2009	NĂM 2010	TỶ LỆ(%)
01	Doanh thu	69.177	87.296	126,19%
02	Lợi nhuận sau thuế	5.732	6.045	105,46%

Nguồn báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 và năm 2010

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính : triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2010	THỰC HIỆN NĂM 2010	% KẾ HOẠCH
01	Doanh thu	80.000	87.296	109,12
02	Lợi nhuận sau thuế	6.000	6.045	100,75
03	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	7,5%	6,92%	92,26

Nguồn kế hoạch và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010

Theo đánh giá của Hội Đồng Quản Trị, kết quả kinh doanh của công ty năm 2010 vừa qua đã hoàn thành vượt mức kế hoạch nhưng mức tăng trưởng chưa cao, hiệu quả vẫn chưa tương xứng, nguyên nhân là do tình hình nền kinh

tế chung tại Việt nam vẫn chưa thực sự vượt qua khó khăn, mặt khác tại công ty cũng vẫn còn có một số lĩnh vực còn hạn chế như sau :

- Năng lực lãnh đạo, nghiệp vụ đã có nhiều tiến bộ nhưng cần được nâng cao về năng lực quản lý điều hành.
- Công tác huy động vốn, vay vốn cho các dự án (đặc biệt các dự án ngoài Tỉnh) còn chậm.

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm :

- Hoàn tất thủ tục đăng ký, lưu ký tập trung tại trung tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.

- Dự kiến hoàn thành đăng ký giao dịch tập trung trên thị trường UPCOM tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội vào thời điểm tháng từ 2-3/2011.

- Về cơ cấu nhân sự trong Ban Giám Đốc : Ông Trần Tuệ thôi giữ chức Phó Tổng Giám Đốc công ty về nghỉ hưu kể từ ngày 1/11/2010.

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai :

- Phát triển doanh nghiệp bền vững, tăng trưởng bình quân từ 10% đến 15% mỗi năm.

- Phân đầu hoàn thành 100% kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm tiếp theo.

- Đầu tư phát triển hệ thống vườn ươm nhân giống, nuôi, cấy, ghép mô, phát triển giống mới, chủ động nguồn giống duy trì công viên cây xanh trong thành phố Vũng Tàu.

- Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác, liên doanh, liên kết kinh tế với các công ty và địa phương khác trong nước để tổ chức kinh doanh mở rộng thị trường. Tăng cường đầu thầu và thi công các công trình ngoài để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận cho công ty.

III BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC :

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2010 :

1.1 Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Chỉ Tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2010
1/ Khả năng thanh toán :			
- Khả năng thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	lần	1,74	1,41
2/ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/ tổng tài sản	%	37,79	47,44
- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	60,75	90,26
3/ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Tổng tài sản	Tr.đồng	63.881	73.251
4/ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận ròng/doanh thu	%	8,29	6,92
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản	%	8,97	8,25
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	14,42	15,70

Nguồn báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 và năm 2010

- Khả năng thanh toán :

Hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty qua các năm luôn ổn định ở mức từ 1-2 là tỷ lệ tương đối an toàn, điều này cho thấy công ty cố gắng sử dụng tối

đa và hiệu quả vốn lưu động nhưng vẫn đảm bảo khả năng thanh toán cho các khoản tín dụng ngắn hạn của doanh nghiệp.

- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn :

+ Hệ số nợ so với tổng tài sản : hệ số nợ của công ty có tăng hơn so với năm 2009 cũng do trong năm 2010 công ty có mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang lĩnh vực đầu tư xây dựng nên phát sinh tăng thêm một số khoản công nợ của các công trình thi công còn dở dang chưa hoàn thành, tuy nhiên công ty vẫn luôn ổn định được nguồn vốn, tăng hiệu quả sử dụng vốn.

+ Hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu : hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu của công ty luôn đảm bảo một tỷ lệ hợp lý theo từng giai đoạn cụ thể, đảm bảo việc sử dụng các khoản vay một cách hiệu quả nhất.

- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động :

- So sánh giá trị tài sản công ty năm 2010 và năm 2009 sẽ thấy mức tăng là 1,14 lần, điều này chứng tỏ quy mô hoạt động của công ty ngày càng được mở rộng. Sự gia tăng tài sản của công ty trong năm 2010 so với năm 2009 chủ yếu là do sự gia tăng của giá trị hàng tồn kho phù hợp với việc công ty đang tập trung nguồn lực nhằm thực hiện đúng tiến độ các công trình đang thi công.

- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời :

+ Hệ số lợi nhuận ròng trên doanh thu : hệ số lợi nhuận ròng trên doanh thu năm 2010 có giảm so với năm 2009 là do tình hình khó khăn chung của nền kinh tế chưa thực sự phục hồi mặc dù công ty đã cố gắng giảm tối đa chi phí giá thành, sử dụng tối đa hiệu quả các nguồn vốn.

+ Hệ số sinh lời của tài sản : hệ số sinh lời của tài sản luôn ổn định ở mức 8% trong tình hình chi phí giá vốn liên tục thay đổi theo hướng năm sau cao hơn năm trước thì việc công ty vẫn duy trì hệ số sinh lời trên tài sản ở mức cho phép là dấu hiệu tốt, cho thấy khả năng duy trì việc sử dụng tốt và hiệu quả nguồn tài sản hiện có tại doanh nghiệp, đây cũng là mong muốn của các nhà đầu tư.

+ Hệ số sinh lời của vốn chủ sở hữu : công ty vẫn duy trì hiệu quả sử dụng tài sản cho thấy lợi nhuận sinh ra từ vốn chủ ngày càng tăng. Điều này chứng tỏ công ty sử dụng vốn tự có của mình ngày càng có hiệu quả.

1.2 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010 :

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2010	Đơn vị tính	
Nguồn vốn cổ phần	Đồng	34.000.000.000
Giá mỗi cổ phần	Đồng/cp	10.000
Số lượng cổ phần	Cổ phần	3.400.000
Giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu	Đồng/Cp	11.323

1.3 Những thay đổi về vốn cổ đông :

Trong năm 2010, công ty Cổ Phần Phát Triển Công Viên Cây Xanh & Đô Thị Vũng Tàu không có thay đổi về vốn cổ đông. UPC vẫn hoạt động với vốn điều lệ là 34 tỷ đồng.

1.4 Tổng số cổ phiếu đang lưu hành :

- Số lượng : 3.400.000 cổ phiếu

- Mệnh giá : 10.000 đồng/ cổ phần
- Loại cổ phần :
- + Cổ phần phổ thông : 3.190.000 cổ phiếu.
- + Cổ phần chuyển nhượng có điều kiện : 210.000 cổ phiếu

1.5 Cổ tức năm 2010 :

Công ty đã tạm trả tạm ứng cổ tức năm 2010 bằng tiền mặt cho các cổ đông với tỷ lệ 10% theo danh sách đăng ký chứng khoán ban đầu tại thời điểm 27/9/2010 đã được Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam đồng ý tại văn bản số 3047/CNVSD ngày 30/11/2010.

Đại hội cổ đông sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức năm 2010 tại đại hội cổ đông thường niên. Dự kiến công ty sẽ chi trả cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt với tỷ lệ 2%.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm :

Đơn vị tính : đồng

Chỉ Tiêu	Năm 2009	Năm 2010
Vốn chủ sở hữu	39.738.187.162	38.498.355.257
Vốn điều lệ	34.000.000.000	34.000.000.000
Doanh thu thuần	68.518.146.736	86.502.545.704
Tốc độ tăng trưởng		
Lợi nhuận trước thuế	7.649.767.473	8.072.616.350
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	11,06%	9,25%

Nguồn báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 và năm 2010

Cụ thể kết quả các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2010 như sau :

2.1 Hoạt động duy trì chăm sóc công viên cây xanh TP Vũng Tàu :

- Tổng diện tích duy trì, chăm sóc công viên địa bàn TP. Vũng Tàu là : 449.053m², tăng 4,17% so với năm 2009.

- Tổng khối lượng duy trì cây xanh địa bàn TP. Vũng Tàu là : 22.008 cây xanh và chăm sóc cây xanh mới trồng là : 6.726 cây các loại theo quy trình kỹ thuật.

- Doanh thu duy trì, chăm sóc, bảo vệ công viên, cây xanh năm 2010 đạt : 73 tỷ đồng, đạt 105,79% so với kế hoạch năm 2010, tăng 65,90% so với thực hiện năm 2009.

2.2 Hoạt động đầu tư xây dựng :

- Hoạt động đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công viên : thực hiện đảm bảo tiến độ thời gian, hoàn thành tốt. Một số công trình trọng điểm đã triển khai thực hiện trong năm 2010 như :

+ Lắp đặt hệ thống tưới nước tự động nghệ thuật và cải tạo hồ Sen tại khu di tích Kim Liên tỉnh Nghệ An.

+ Trang trí hoa tươi cây cảnh phục vụ lễ hội ẩm thực Thế Giới tại Vũng Tàu.

+ Trồng bổ sung nối liền bồn bông giấy DPC đường 3/2

+ Dọn dẹp vệ sinh mặt hồ và nạo vét hồ Bàu Sen

+ Lập và trình duyệt dự án quy hoạch “ Vườn ươm Xà Bang” huyện Châu Đức

- + Làm đường băng cản lửa phòng cháy rừng mùa khô 2010-2011
- + Hội Hoa Xuân 2010 và trang trí cây cảnh phục vụ tết Canh Dần
- Hoạt động đầu tư xây dựng các công trình ngoài Tỉnh : công ty đã và đang chủ động tham gia nhận thầu các dự án như :
 - + Công trình nhà chung cư Mỹ Lợi – TP. Mỹ Tho – Tỉnh Tiền Giang : công ty thực hiện xây dựng và bán các căn hộ chung cư cho người co thu nhập thấp tại Tỉnh Tiền Giang.
 - + Công trình Khu Phố Chợ phường 6 – TP. Mỹ Tho – Tỉnh Tiền Giang
 - + Công trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư số 7 Lộc Phát – TP. Bảo Lộc : công ty thực hiện gói thầu số 6 xây dựng đường Giao Thông và thoát nước mưa.
 - + Đã hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình : gói thầu số 2 Công trình trồng cây xanh đường Mũi Né – Phan Thiết, xây dựng nhà khu phố chợ liền kề thị xã Bảo Lộc – Lâm Đồng, hệ thống thoát nước quốc lộ 1 tỉnh Long An Công ty đã tạo dựng được vị thế của mình trong thị trường đầu tư xây dựng.

- Doanh thu xây dựng năm 2010 đạt : 13 tỷ đồng, đạt 118,18% so với kế hoạch năm 2010. Đây là lĩnh vực kinh doanh mới mở rộng của công ty trong 2 năm 2009-2010 nhưng kết quả kinh doanh cũng đã đem lại hiệu quả tuy chưa cao nhưng đã đánh dấu được bước khởi đầu tốt và tạo đà cho sự phát triển của công ty trong lĩnh vực này.

3. Báo cáo tình hình các khoản vay :

Trong năm 2010 đã phát sinh các khoản vay ngắn hạn như sau :

- Vay ngắn hạn ngân hàng Cổ Phần An Bình : 7.300.000.000 đồng, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

4. Báo cáo thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2010 :

Căn cứ vào nghị quyết đại hội Cổ Đông Thường Niên năm 2010 mức chi trả thù lao cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát trong năm 2010 như sau :

- Chủ tịch HĐQT : 5.000.000 đồng/ tháng
 - Các thành viên HĐQT trực tiếp tham gia điều hành hoạt động SXKD : 3.000.000 đồng/ người/ tháng.
 - Các thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành hoạt động SXKD : 1.500.000 đồng/ người/tháng.
 - Trưởng Ban Kiểm Soát : 2.000.000 đồng/tháng.
 - Các thành viên Ban Kiểm Soát : 1.500.000 đồng/người/tháng.
- Tổng mức chi trả thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm Soát trong năm 2010 là : 246.000.000 đồng.

5. Những tiên bộ công ty đạt được :

- Sau khi hoàn thành cổ phần doanh nghiệp, công ty đã mở rộng thêm : 1 phòng kinh doanh, 2 xí nghiệp và 1 đội trực thuộc.
- Trong năm tăng cường đổi mới trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, vi tính hóa toàn bộ hoạt động nghiệp vụ quản lý văn phòng, thông tin mạng góp phần tăng năng suất và hiệu quả làm việc của cán bộ công nhân viên. Xây dựng mới website quảng bá thương hiệu, hoàn chỉnh hệ thống email riêng của UPC.

6. Kế hoạch kinh doanh năm 2011 :

6.1 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2011 :

Chỉ Tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011
1/ Tổng doanh thu	Triệu đồng	92.000
- Doanh thu duy trì, chăm sóc, bảo quản, bảo vệ công viên cây xanh	Triệu đồng	75.762
- Doanh thu đầu tư xây dựng	Triệu đồng	16.238
2/ Lợi nhuận	Triệu đồng	8.500
3/ Nộp ngân sách	Triệu đồng	2.700
4/ Lao động bình quân	Người	610
5/ Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	5.429.508
6/ Cổ tức (dự kiến)	%	14

6.2 Giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2011 :

- Đào tạo và xây dựng lực lượng cán bộ nòng cốt chuyên nghiệp, năng động. Sắp xếp giao việc phù hợp với trình độ, năng lực của từng nhân viên để phát huy tối đa năng lực của từng người, góp phần tạo ra một sức mạnh tập thể lớn mạnh.

- Duy trì hợp đồng đặt hàng dịch vụ duy trì và chăm sóc cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Vũng Tàu 5 năm (2010-2015) của UBND Thành Phố Vũng Tàu theo quyết định 8860/QĐ-UBND ngày 31/12/2009.

- Tập trung đầu tư vào các dự án có tính khả thi cao.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn tất hồ sơ thanh quyết toán các công trình đã được nghiệm thu thanh quyết toán.

- Tăng cường công tác thu hồi nợ để tập trung nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện rà soát, phân tích đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh và đầu tư trong từng lĩnh vực để có biện pháp quản lý điều hành cụ thể cũng như cơ cấu vốn đầu tư phù hợp với thế mạnh và khả năng của công ty.

- Đầu tư máy móc thiết bị đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất

- Vận dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin để ngày càng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, hiệu quả quản lý và quảng bá hình ảnh thương hiệu công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Có chính sách thu hút và đãi ngộ nhân tài như : chế độ lương, thưởng thỏa đáng để khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với công ty.

- Tiếp tục thực hiện các công trình còn dở dang năm 2010.

- Tham gia đấu thầu các dự án chuyên ngành công viên cây xanh là thế mạnh của công ty.

- Nhận thêm các dự án đầu tư xây dựng khác thông qua kế hoạch khảo sát thị trường để thực hiện tốt việc liên doanh, liên kết với các đơn vị trong nước.

IV BÁO CÁO TÀI CHÍNH :

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật (phần phụ lục)

Mã Số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
				Năm nay	Năm trước
01		1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	86.502.545.704	68.518.146.736
03		2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10		3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ		86.502.545.704	68.518.146.736
11		4. Giá vốn hàng bán		68.411.340.040	57.589.396.462
20		5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp dịch vụ		18.091.205.664	10.928.750.274
21		6. Doanh thu hoạt động tài chính		793.997.099	659.261.105
22		7. Chi phí tài chính		26.705.555	86.275.000
23		- Trong đó: Chi phí lãi vay		26.705.555	86.275.000
24		8. Chi phí bán hàng		-	-
25		9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		10.801.442.069	3.916.850.723
30		10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.057.055.139	7.584.885.656
31		11. Thu nhập khác		62.272.728	68.181.817
32		12. Chi phí khác		46.711.517	3.300.000
40		13. Lợi nhuận khác		15.561.211	64.881.817
50		14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.072.616.350	7.649.767.473
51		15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		2.027.444.467	1.917.769.387
52		16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60		17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.045.171.883	5.731.998.086
70		18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.778	1.664

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

[Signature]

[Signature]



[Signature]
Nguyễn Đức Tài

Công ty Cổ phần PT Công viên Cây xanh & ĐT Vũng Tàu
221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

Mẫu số: B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		48.853.027.836	41.906.178.326
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		10.419.577.099	31.661.470.017
111	1. Tiền	V.01	10.419.577.099	13.639.670.017
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	18.021.800.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	-
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn (*)		-	-
130	III. Các khoản phải thu		13.664.612.011	1.519.670.600
131	1. Phải thu khách hàng		59.415.575	1.519.670.600
132	2. Trả trước cho người bán		13.589.273.000	-
133	3. Phải thu nội bộ		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD		-	-
138	5. Các khoản phải thu khác		15.923.436	-
139	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		21.193.693.313	6.873.211.615
141	1. Hàng tồn kho		21.193.693.313	6.873.211.615
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.575.145.413	1.851.826.094
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.162.177.336	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		251.042.077	344.386.094
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		2.161.926.000	1.507.440.000

Công ty Cổ phần PT Công viên Cây xanh &ĐT Vũng Tàu **Báo cáo tài chính**
 221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh		
			Số cuối năm	Số đầu năm
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		24.397.571.401	21.975.575.070
210	I- Các khoản phải thu dài hạn		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
213	3. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
218	4. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		20.575.268.257	19.880.125.652
221	1. Tài sản cố định hữu hình		18.665.491.836	18.706.702.969
222	- Nguyên giá		35.782.958.706	31.585.550.469
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(17.117.466.870)		(12.878.847.500)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.909.776.421	1.173.422.683
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
241	- Nguyên giá		-	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		-	-
259	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn (*)		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.822.303.144	2.095.449.418
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.822.303.144	2.095.449.418
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		73.250.599.237	63.881.753.396

Công ty Cổ phần PT Công viên Cây xanh & ĐT Vũng Tàu
 221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
			Số cuối năm	Số đầu năm
300	A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)		34.752.243.980	26.907.990.219
310	I. Nợ ngắn hạn		34.660.496.385	26.806.182.374
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		7.300.000.000	-
312	2. Phải trả người bán		704.738.292	1.024.890.602
313	3. Người mua trả tiền trước		8.243.935.426	126.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		731.523.791	1.785.788.686
315	5. Phải trả người lao động		2.492.531.431	13.401.177.274
316	6. Chi phí phải trả		-	-
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác		14.190.940.528	7.703.901.827
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		996.826.917	2.764.423.985
330	II. Nợ dài hạn		91.747.595	101.807.845
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		91.747.595	101.807.845
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)		38.498.355.257	36.973.763.177
410	I. Vốn chủ sở hữu		37.520.607.515	35.072.947.229
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		34.000.000.000	34.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		592.534.791	592.534.791
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		282.900.841	282.900.841
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	197.511.597
420	10. Lợi nhuận chưa phân phối		2.645.171.883	-

KẾ TOÁN

Công ty Cổ phần PT Công viên Cây xanh &ĐT Vũng Tàu **Báo cáo tài chính**
 221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã Số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
421	11. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
430	II. Nguồn kinh phí		977.747.742	1.900.815.948
432	1. Nguồn kinh phí		977.747.742	1.900.815.948
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		73.250.599.237	63.881.753.396

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu

[Signature]

Kế toán trưởng

[Signature]

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc



[Signature]
 Nguyễn Đức Tài

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

Công ty Cổ phần PT Công viên Cây xanh & ĐT Vũng Tàu
221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

Mẫu số: B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã Số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
			Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	86.502.545.704	68.518.146.736
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ		86.502.545.704	68.518.146.736
11	4. Giá vốn hàng bán		68.411.340.040	57.589.396.462
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp dịch vụ		18.091.205.664	10.928.750.274
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		793.997.099	659.261.105
22	7. Chi phí tài chính		26.705.555	86.275.000
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		26.705.555	86.275.000
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		10.801.442.069	3.916.850.723
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.057.055.139	7.584.885.656
31	11. Thu nhập khác		62.272.728	68.181.817
32	12. Chi phí khác		46.711.517	3.300.000
40	13. Lợi nhuận khác		15.561.211	64.881.817
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.072.616.350	7.649.767.473
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		2.027.444.467	1.917.769.387
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.045.171.883	5.731.998.086
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.778	1.664

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

[Signature]

[Signature]



[Signature]
Nguyễn Đức Tài

Công ty Cổ phần PT Công viên Cây xanh &ĐT Vũng Tàu
221 Võ Thị Sáu, phường Thới Tam, Tp. Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số: B 03-DN

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã Số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu bán hàng, CC dịch vụ và doanh thu khác		96.824.140.068	15.691.937.728
02	2. Tiền chi trả cho người CC hàng hóa và dịch vụ		(86.711.624.527)	(33.289.389.799)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(43.633.110.704)	(12.473.119.159)
04	4. Tiền chi trả lãi vay			(32.815.000)
05	5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp		(2.896.937.700)	(235.000.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.970.238.394	41.470.315.093
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.642.104.754)	(10.378.562.895)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(27.089.399.223)	753.365.968
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và TS DH khác		(995.800.108)	(3.562.523.011)
22	2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TS DH khác		53.636.364	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ khác		(72.243.378.442)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của khác		72.243.378.442	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		793.997.099	659.261.105
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(148.166.645)	(2.903.261.906)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu phát hành CP, nhận vốn góp của CSH			
32	2. Tiền chi trả vốn cho CSH, mua lại CP đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		7.300.000.000	3.353.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay			(2.600.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.304.327.050)	(1.360.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.995.672.950	(607.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(21.241.892.918)	(2.756.895.938)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		31.661.470.017	34.418.365.955
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)		10.419.577.099	31.661.470.017

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

[Signature]

[Signature]



[Signature]
Nguyễn Đức Tài

11

V . BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN :
Kiểm toán độc lập

Công ty CP Phát triển Công viên Cây xanh & ĐT Vũng Tàu
221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

Mẫu số: B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Công viên Cây xanh và Đô thị Vũng Tàu được chuyển đổi từ công ty nhà nước (Công ty Lâm Viên Cây Xanh thành phố Vũng Tàu) thành công ty cổ phần theo quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 08 tháng 05 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu "V/v phê duyệt phương án và chuyển Công ty Lâm Viên Cây xanh thành phố Vũng Tàu thành Công ty cổ phần".

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 3500144358 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 07 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 04 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

- Tên tiếng nước ngoài: Vung Tau Urban And Parks Development Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: VT.UPC
- Trụ sở chính: Số 221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Điện thoại: 0643852704 Fax: 0643852704
- Vốn điều lệ: **34.000.000.000** đồng Việt Nam.

2- Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động công ích, xây lắp, tổng hợp.

3- Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý, chăm sóc, bảo vệ, duy tu, sửa chữa, tôn tạo và trồng mới các công viên cây xanh; Nghiên cứu khoa học, nhân tạo giống cây trồng, hoa cây cảnh, vườn ươm; Tư vấn ươm, trồng, chăm sóc cây xanh, cây cảnh.
- Thi công công trình công viên cây xanh, khuôn viên sân vườn, hoa tiểu cảnh, hồ nước nghệ thuật, trang trí nghệ thuật; Thi công công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị, đường giao thông, cầu, cống, điện, cấp thoát nước đô thị và nông thôn, thủy lợi; San lấp mặt bằng công trình; Nạo vét ao hồ, kênh mương.
- Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Thiết kế xây dựng công trình dân dụng;
- Kinh doanh hoa cây cảnh, phân bón, chậu cảnh và các thiết bị chăm sóc cây cảnh; Kinh doanh dịch vụ du lịch (ăn uống, phòng nghỉ, vận chuyển khách...); Khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ gỗ; Kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh vận tải hàng hóa; Cho thuê xe chuyên dụng; Khoan các loại giếng; Nuôi trồng, chế biến và kinh doanh thủy hải sản; Kinh doanh các dịch vụ vệ sinh môi trường; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh và chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi; Kinh doanh khai thác mỏ, đất, nước, cát, đá (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động ngành nghề này);
- Thi công hệ thống tưới nước tự động; Thi công các công trình điện dân dụng và công nghiệp đến 35KV.

Công ty CP Phát triển Công viên Cây xanh & ĐT Vũng Tàu
221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1- **Kỳ kế toán:** Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- 2- **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1- **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- 2- **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:** Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.
- 3- **Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV- TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Căn cứ trích lập là Chuẩn mực kế toán số 02- "Hàng tồn kho" và thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên

Công ty CP Phát triển Công viên Cây xanh & ĐT Vũng Tàu
221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Các tài sản khác	05 - 10 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.
- Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó

Công ty CP Phát triển Công viên Cây xanh & ĐT Vũng Tàu
221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

- Tổng chi phí lãi vay phát sinh trong năm:	26.705.555
+ Chi phí lãi vay vốn hóa vào công trình, dự án:	
+ Chi phí lãi vay xác định vào KQKD:	26.705.555

6- Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Công ty CP Phát triển Công viên Cây xanh & ĐT Vũng Tàu
221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo: Giá trị khối lượng thực hiện hoàn thành, khối lượng xây lắp được chủ đầu tư xác nhận, nghiệm thu làm căn cứ ghi nhận doanh thu trong kỳ

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng tại công ty là: 25%.

Công ty CP Phát triển Công viên Cây xanh & ĐT Vũng Tàu Báo cáo tài chính
 221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính là: đồng Việt Nam, trừ các trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

01- Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	3.174.545.333	4.633.344.403
- Tiền gửi ngân hàng	7.245.031.766	9.006.325.614
+ Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển - CN Vũng Tàu	6.437.221.629	8.369.576.192
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Vũng Tàu	674.566	634.745.338
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Vũng Tàu	196.498.281	1.002.667
+ Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu - CN Vũng Tàu	36.210.541	1.001.417
+ Ngân hàng TMCP An Bình - CN Vũng Tàu	574.426.749	
- Tiền đang chuyển		
- Các khoản tương đương tiền		18.021.800.000
+ Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển - CN Vũng Tàu		4.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Vũng Tàu		6.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Vũng Tàu		3.021.800.000
+ Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu - CN Vũng Tàu		5.000.000.000
Cộng	10.419.577.099	31.661.470.017
02- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu người lao động		
- Phải thu khác	15.923.436	
Cộng	15.923.436	
03- Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	3.920.000	15.820.000
- Công cụ, dụng cụ	22.362.000	143.015.591
- Chi phí SX, KD dở dang	20.717.990.790	6.323.955.501
- Thành phẩm	449.420.523	390.420.523
- Hàng hóa		
Cộng giá gốc hàng tồn kho	21.193.693.313	6.873.211.615
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	21.193.693.313	6.873.211.615

Công ty CP Phát triển Công viên Cây xanh & ĐT Vũng Tàu Báo cáo tài chính
 221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

04- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		330.512.077
- Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước:	237.168.060	
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	13.874.017	13.874.017
Cộng	251.042.077	344.386.094

05- Tài sản ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
- Tài sản thiếu chờ xử lý		
- Tạm ứng	1.977.426.000	1.322.940.000
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	184.500.000	184.500.000
Cộng	2.161.926.000	1.507.440.000

06 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ HH					
Số dư đầu năm	7.499.749.158	713.911.267	22.021.159.634	1.350.730.410	31.585.550.469
- Mua trong năm		3.637.987.273		286.048.819	3.924.036.092
- Đầu tư XD hoàn thành	273.372.145				273.372.145
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	7.773.121.303	4.351.898.540	22.021.159.634	1.636.779.229	35.782.958.706
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.552.419.304	162.316.220	10.217.069.010	947.042.966	12.878.847.500
- Khấu hao trong năm	603.301.592	251.567.982	3.116.246.785	267.503.011	4.238.619.370
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	2.155.720.896	413.884.202	13.333.315.795	1.214.545.977	17.117.466.870
Giá trị còn lại TSCĐ HH					
- Tại ngày đầu năm	5.947.329.854	551.595.047	11.804.090.624	403.687.444	18.706.702.969
- Tại ngày cuối năm	5.617.400.407	3.938.014.338	8.687.843.839	422.233.252	18.665.491.836

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 261.653.539
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không

Công ty CP Phát triển Công viên Cây xanh & ĐT Vũng Tàu
221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

07- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Cuối năm	Đầu năm
- Tổng chi phí XD CB dở dang	1.326.308.565	1.173.422.683
+ Đền bù giải phóng mặt bằng Long Sơn	512.135.920	512.135.920
+ Vườn ươm, P10, TP Vũng Tàu	414.172.645	261.286.763
+ Lô đất 120m2 (Võ Thị Sáu) TP Vũng Tàu	400.000.000	400.000.000
+ Sửa chữa văn phòng công ty	583.467.856	
Cộng (*)	1.909.776.421	1.173.422.683

(*) Chi tiết tăng, giảm Chi phí xây dựng dở dang	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.173.422.683	1.000.135.920
- Số tăng trong năm	1.009.725.883	264.877.177
- Chuyển từ tài sản không đủ điều kiện		
- Giảm trong năm	273.372.145	91.590.414
- Giảm khác		
Số cuối năm	1.909.776.421	1.173.422.683

08- Chi phí trả trước dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
- Lợi thế thương mại	974.012.578	1.281.595.498
- Công cụ dụng cụ	2.848.290.566	813.853.920
Cộng (*)	3.822.303.144	2.095.449.418

(*) Chi tiết tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.095.449.418	2.257.909.547
- Số tăng trong năm	1.930.648.844	759.794.120
- Chuyển từ tài sản không đủ điều kiện		
- Giảm trong năm	203.795.118	819.726.609
- Giảm khác		102.527.640
Số cuối năm	3.822.303.144	2.095.449.418

Công ty CP Phát triển Công viên Cây xanh & ĐT Vũng Tàu Báo cáo tài chính
 221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

09- Vay và nợ ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
- Vay ngắn hạn	7.300.000.000	
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Bà Rịa- Vũng Tàu (*)	7.300.000.000	
- Nợ dài hạn đến hạn trả		
- Nợ thuế tài chính đến hạn trả		
- Trái phiếu phát hành đến hạn trả		
Cộng	7.300.000.000	

(*) Chi tiết hợp đồng vay vốn

Ngân hàng/Hợp đồng	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất/năm	Số dư
HĐ tín dụng số 3500/10/HM/IV	16/12/2010	16/6/2011	19%	3.000.000.000
HĐ tín dụng số 3547/10/HM/IV	29/12/2010	29/6/2011	19%	4.300.000.000
Cộng				7.300.000.000

10- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng		115.965.109
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	731.523.791	1.601.017.024
- Thuế thu nhập cá nhân		68.806.553
- Các loại thuế khác		
Cộng	731.523.791	1.785.788.686

11- Các khoản phải trả, phải nộp khác	Cuối năm	Đầu năm
- Phải trả về cổ phần hoá	2.673.870.765	2.673.870.765
- Cổ tức phải trả	4.080.000.000	2.040.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.437.069.763	2.990.031.062
Cộng	14.190.940.528	7.703.901.827

Công ty CP Phát triển Công viên Cây xanh & ĐT Vũng Tàu Báo cáo tài chính
 221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

12- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư	Thặng dư	Quỹ đầu tư	Quỹ dự	LN sau thuế
	của chủ sở hữu	vốn cổ phần	phát triển	phòng tài chính	chưa phân phối
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	34.000.000.000	24.420.000			
- Tăng vốn trong năm trước					5.731.998.086
- Lãi trong năm trước					
- Chia cổ tức					(3.400.000.000)
- Trích lập quỹ			592.534.791	282.900.841	(2.258.016.810)
- Giảm khác		(24.420.000)			(73.981.276)
Số dư cuối năm trước	34.000.000.000		592.534.791	282.900.841	
Số dư đầu năm nay	34.000.000.000		592.534.791	282.900.841	
- Tăng vốn trong năm nay					
- Lãi trong năm nay					6.045.171.883
- Chia cổ tức					(3.400.000.000)
- Giảm khác					
Số dư cuối năm nay	34.000.000.000		592.534.791	282.900.841	2.645.171.883

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Theo Đăng ký kinh doanh		Thực góp	
	SL cổ phiếu	Giá trị vốn góp	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn Nhà nước	2.040.000	20.400.000.000	20.400.000.000	20.400.000.000
Vốn góp các cổ đông khác	1.360.000	13.600.000.000	13.600.000.000	13.600.000.000
Cộng	3.400.000	34.000.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
+ Vốn góp đầu năm	34.000.000.000	34.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	34.000.000.000	34.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.400.000.000	3.400.000.000

Công ty CP Phát triển Công viên Cây xanh & DT Vũng Tàu Báo cáo tài chính
 221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

d- Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	3.400.000	3.400.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.400.000	3.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.400.000	3.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.400.000	3.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.400.000	3.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000VND/ICP		

13- Nguồn kinh phí	Cuối năm	Đầu năm
- Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	1.900.815.948	14.597.625.826
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	1.144.228.505	35.391.479.109
- Chi sự nghiệp	2.067.296.711	48.088.288.987
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	977.747.742	1.900.815.948

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng		1.000.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	73.019.044.965	44.651.297.918
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	13.483.500.739	23.865.848.818
- Doanh thu khác		
Cộng	86.502.545.704	68.518.146.736

02- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.502.545.704	68.518.146.736
<i>Trong đó:</i> + Doanh thu thuần trao đổi hàng hóa		
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ		

Công ty CP Phát triển Công viên Cây xanh & DT Vũng Tàu Báo cáo tài chính
 221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

03- Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	65.819.766.179	19.632.934.742
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.591.573.861	37.956.461.720
Cộng	68.411.340.040	57.589.396.462
04- Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	793.997.099	659.261.105
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	793.997.099	659.261.105
05 - Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	26.705.555	86.275.000
- Chi phí tài chính khác		
Cộng	26.705.555	86.275.000
06- Lợi nhuận khác	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	62.272.728	68.181.817
- Thu thanh lý tài sản	53.636.364	
- Thu tiền thuê mặt ao cá phường 12, TP Vũng Tàu		27.272.727
- Thu tiền lợi nhuận đầu tư vào nhà hàng Ao Sen		36.363.636
- Thu hỗ trợ do thu hồi đất phường 12, TP Vũng Tàu		4.545.454
- Thu nhập khác	8.636.364	
Chi phí khác	46.711.517	3.300.000
- Phí thẩm định TSCĐ thanh lý	9.550.000	
- Phạt chậm nộp, hành chính	19.161.517	3.300.000
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	16.200.000	
- Chi phí khác	1.800.000	
Lợi nhuận khác	15.561.211	64.881.817

Công ty CP Phát triển Công viên Cây xanh & DT Vũng Tàu *Báo cáo tài chính*
 221 Võ Thị Sáu, phường Thới Tam, Tp. Vũng Tàu Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

	Năm nay	Năm trước
07- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.072.616.350	7.649.767.473
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	37.161.517	21.310.076
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	19.161.517	3.300.000
<i>Thu lao HDQT không trực tiếp tham gia điều hành</i>	16.200.000	13.510.076
<i>Phí chuyển tiền thu lao HDQT</i>	1.800.000	4.500.000
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Tổng lợi nhuận tính thuế	8.109.777.867	7.671.077.549
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	2.027.444.467	1.917.769.387
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
08- Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.045.171.893	5.731.998.096
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		73.981.276
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	6.045.171.893	5.658.016.810
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.400.000	3.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.778	1.664
09- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.898.947.956	13.012.881.859
- Chi phí nhân công	41.995.893.432	22.517.615.170
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.238.619.370	1.971.915.574
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	413.732.734	17.358.853.452
- Chi phí khác bằng tiền	7.253.146.454	1.692.117.946
Cộng	98.770.338.946	56.553.384.001

Công ty CP Phát triển Công viên Cây xanh & ĐT Vũng Tàu Báo cáo tài chính
 221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1- Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Kiểm Toán Vũng Tàu kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vũng Tàu, số liệu này đã được sắp xếp lại theo hướng dẫn tại Thông tư số: 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính V/v: “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”;

Số liệu đã được sắp xếp lại và điều chỉnh cho các khoản mục sau: Đổi mã số chỉ tiêu “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” – Mã số 431 trên Bảng Cân đối kế toán thành Mã số 323 trên Bảng Cân đối kế toán. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” là số dư Có của tài khoản 353 – “Quỹ khen thưởng, phúc lợi”:

Tài khoản	Mã số	Số liệu ngày 31/12/2009	Số liệu ngày 01/01/2010	Chênh lệch
Nợ phải trả	300	24.143.566.234	26.907.990.219	2.764.423.985
Nợ ngắn hạn	310	24.041.758.389	26.806.182.374	2.764.423.985
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.764.423.985	2.764.423.985
Vốn chủ sở hữu	400	39.738.187.162	36.973.763.177	(2.764.423.985)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	420	4.665.239.933	1.900.815.948	(2.764.423.985)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	2.764.423.985	-	(2.764.423.985)

2- Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	33,31	34,40
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	66,69	65,60
1.2 Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	47,44	42,12
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	52,56	57,88
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả	Lần	2,11	2,37
2.2 Tổng tài sản ngắn hạn /Tổng nợ ngắn hạn	Lần	1,41	1,56
2.3 Tổng tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	0,30	1,18
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Lợi nhuận/doanh thu			
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần + Doanh thu tài chính	%	9,25	11,06
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Doanh thu tài chính	%	6,92	8,29

Công ty CP Phát triển Công viên Cây xanh & ĐT Vũng Tàu Báo cáo tài chính
 221 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu Cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm nay	Năm trước
3.2 Lợi nhuận/Tổng tài sản			
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	11,02	11,97
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,25	8,97
3.3 Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	15,70	15,50

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



[Handwritten signature]
 Nguyễn Đức Tài

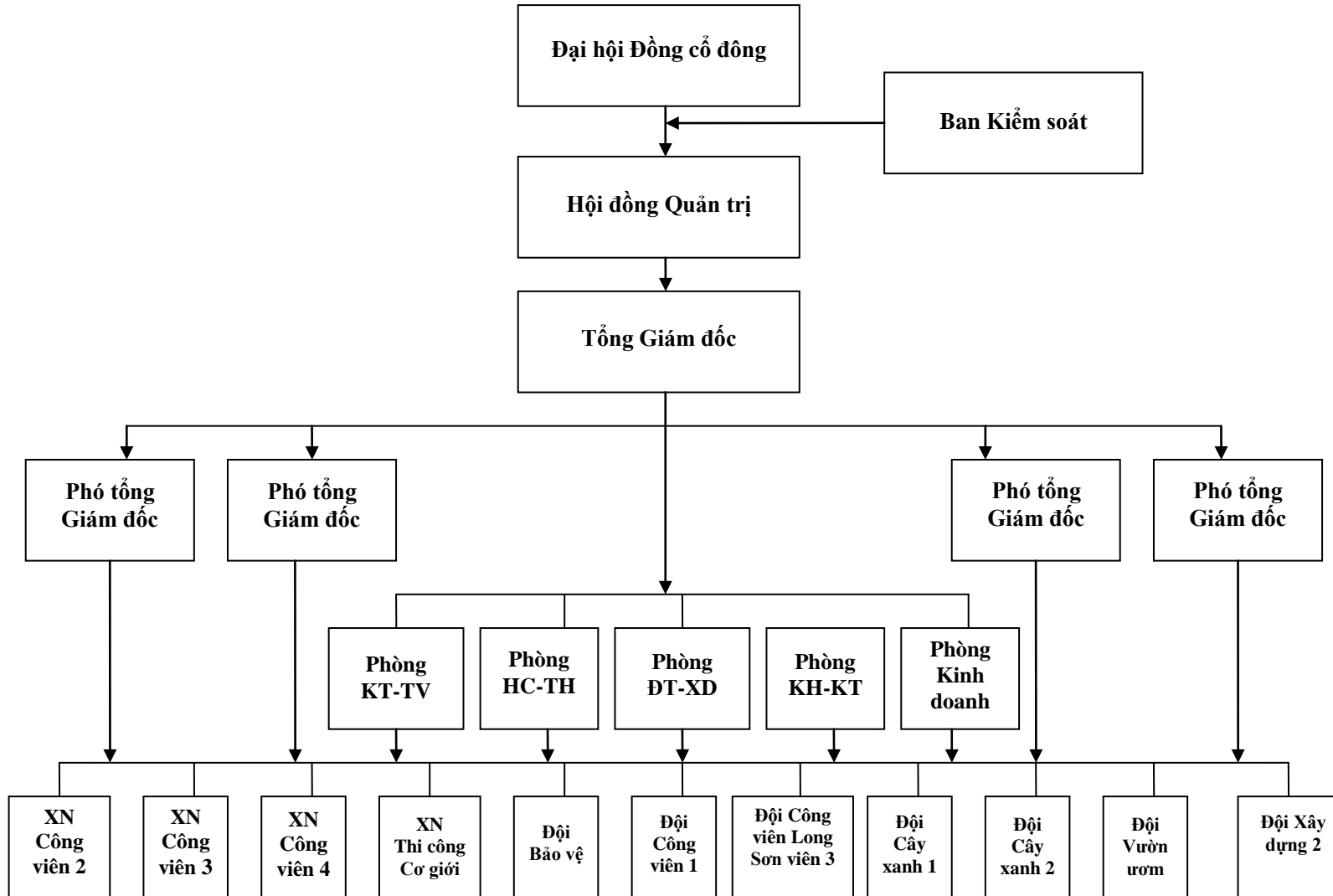
VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN :

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần /vốn góp tại công ty : không
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/ vốn góp của tổ chức : không
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan : không

VII TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ :

1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty :

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN CÂY XANH VÀ ĐÔ THỊ VŨNG TÀU



2. Các cá nhân trong ban điều hành :

Ban Điều Hành	Chức Vụ
Ông Nguyễn Đức Tài	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Hồ Sĩ Tiến	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Phạm Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám Đốc

2.1 Ông Nguyễn Đức Tài - Tổng Giám Đốc

- Ngày tháng năm sinh : 09/02/1963
- Số CMND : 273166467 do CA Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 22/04/2009
- Quốc Tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn :
 - + Cử nhân luật – Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh
 - + Trung cấp hạch toán KT – DN trường Trung học Kinh Tế TP.HCM
 - + Cao cấp lý luận Chính Trị Trường Học Viện Chính TRỊ KV2
- Quá trình công tác :
 - + T4/2003 – T4/2004 : Quyền Giám Đốc công ty Lâm Viên Cây Xanh Thành Phố Vũng Tàu.
 - + T4/2004 – T7/2009 : Giám Đốc công ty Lâm Viên Cây Xanh Thành Phố Vũng Tàu.
 - + T7/2009 – đến nay : Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc, Bí Thư Chi Bộ Công Ty Cổ Phần Phát Triển Công Viên Cây Xanh & Đô Thị Vũng Tàu.

2.2 Ông Nguyễn Thanh Bình – Phó Tổng Giám Đốc :

- Ngày tháng năm sinh : 16/09/1959
- Số CMND : 270051911 do CA Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 25/01/2005
- Quốc Tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn :
 - + Kỹ sư Lâm Sinh ngành Lâm Học Đại Học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh
 - + Kỹ sư Quản Trị Doanh Nghiệp ngành Quản Trị Kinh Doanh – Đại Học Bách Khoa Hà Nội.
- Quá trình công tác :
 - + Năm 1983 – năm 1985 : Cán bộ kỹ thuật – Sở Nông Lâm ĐK-VT-CD
 - + Năm 1985 – năm 1988 : Phó Giám Đốc XN Lâm Nông Vũng Tàu.
 - + Năm 1988–năm 1990: Hạt Phó, Hạt Lâm Nghiệp-Kiểm Lâm Vũng Tàu.
 - + Năm 1990 – năm 1993 : Trạm Trưởng, Trạm Lâm Nghiệp Vũng Tàu.
 - + Năm 1993 – T7/2009 : Phó Giám Đốc công ty Lâm Viên Cây Xanh TP. Vũng Tàu.
 - + T7/2009 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc và Trưởng phòng tổ chức hành chính công ty Cổ Phần Phát Triển Công Viên Cây Xanh Và Đô Thị Vũng Tàu.

2.3 Ông Hồ Sĩ Tiến – Phó Tổng Giám Đốc :

- Ngày tháng năm sinh : 11/11/1964
- Số CMND : 273133562 do CA Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 17/6/2003
- Quốc Tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn :

+ Cử nhân chuyên ngành tài chính kế toán trường Đại học Tài Chính Thành Phố Hồ Chí Minh.

- Quá trình công tác :

+ Năm 1986 – năm 1995 : Trưởng phòng nghiệp vụ công ty Bông Trung Ương.

+ Năm 1996 – năm 2003 : Kế toán công ty Du Lịch DVĐK Việt Nam.

+ Năm 2003 – năm 2005 : Giám Đốc xí nghiệp công ty Xây Lắp Tỉnh BR-VT.

+ Năm 2005 – T7/2009 : Trưởng phòng kế hoạch công ty Lâm Viên Cây Xanh Vũng Tàu.

+ T7/2009 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc và Trưởng phòng Hành chính – Tổng Hợp công ty Cổ Phần Phát Triển Công Viên Cây Xanh Và Đô Thị Vũng Tàu.

2.4 Bà Phạm Thị Thu Hà – Phó Tổng Giám Đốc :

- Ngày tháng năm sinh : 17/6/1974

- Số CMND : 27303060412 do CA Bà Rịa–Vũng Tàu cấp ngày 18/7/2009

- Quốc Tịch : Việt Nam

- Trình độ chuyên môn :

+ Cử nhân chuyên ngành kế toán – Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh.

- Quá trình công tác :

+ T8/1994–năm 1998: Kế toán Cty Lâm Viên Cây Xanh TP. Vũng Tàu.

+ Năm 1998 – năm 1999 : Phó kế toán trưởng công ty Lâm Viên Cây Xanh TP. Vũng Tàu.

+ Năm 1999 – T7/2009 : Kế toán trưởng công ty Lâm Viên Cây Xanh TP. Vũng Tàu.

+ T7/2009 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng công ty Cổ Phần Phát Triển Công Viên Cây Xanh Và Đô Thị Vũng Tàu.

3. Thay đổi Tổng Giám Đốc điều hành trong năm :

Không có

4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động :

Tổng số cán bộ, nhân viên Công ty tính đến ngày 31/12/2010 là 388 người, trong đó:

STT	Phân loại lao động	Số người	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo đối tượng lao động		
1	Lao động gián tiếp	66	17,01
2	Lao động trực tiếp	322	82,99
Tổng cộng		388	100
II	Phân theo trình độ lao động		

STT	Phân loại lao động	Số người	Tỷ trọng (%)
1	Trình độ Đại học	40	10,31
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	35	9,02
4	Lao động kỹ thuật	59	15,21
5	Lao động phổ thông	254	65,46
Tổng cộng		388	100

4.1 Chế độ làm việc :

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như : chế độ làm việc 8 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của luật lao động.

4.2 Chính sách đào tạo :

Liên tục hoàn thiện, phát triển và đổi mới cách thức để UPC hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng và đam mê của mình. Do đó CB.CNV của UPC luôn cố gắng học tập, nghiên cứu và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng. Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Thông qua học tập, nghiên cứu và phát triển chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho công ty. Do đó, đào tạo để phát triển là một chính sách rất được coi trọng tại UPC. Công ty coi đào tạo là phương thức hỗ trợ quá trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên. Do đó mọi thành viên đều được khuyến khích nâng cao trình độ và kiến thức, dù bằng hình thức tham gia các khóa học của công ty tổ chức hay qua các lớp bên ngoài. Đào tạo tại chỗ chiếm một vai trò quan trọng và cũng được tập trung đặc biệt, Phần lớn thành viên mới gia nhập công ty đều được đào tạo theo phương thức một kèm một. Khi cần thiết, chúng tôi tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội tham khảo kinh nghiệm nước ngoài để trau dồi, cập nhật kiến thức.

4.3 Chính sách tiền lương, thưởng :

Chính sách tiền lương, thù lao, phụ cấp của UPC được xây dựng với mục tiêu : công bằng, nâng cao hiệu quả làm việc và tăng cường sự gắn bó lâu dài của các thành viên. Mức lương và phụ cấp của UPC được trả trên căn cứ vào vị trí công việc (mỗi vị trí đòi hỏi mức độ kiến thức, kỹ năng, độ thách thức cũng như trách nhiệm khác nhau), hiệu quả làm việc và thâm niên làm việc của nhân viên. Tất cả vị trí công việc đều được phân tích, đánh giá, chấm điểm chi tiết và xếp vào một hệ thống nhất trong toàn công ty. Hàng năm, mức cạnh tranh của mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc đều được phòng tổ chức nhân sự đánh giá, xem xét và điều chỉnh phù hợp.

5. Thay đổi thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kế Toán Trưởng :

- Hội Đồng Quản Trị : không thay đổi
- Ban Giám Đốc : không thay đổi

- Ban Kiểm Soát : không thay đổi
- Kế Toán Trưởng : không thay đổi

VIII THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY :

1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát :

1.1 Thành phần Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát :

Danh Sách	Chức vụ	Ghi chú
A. Hội Đồng Quản Trị :		
- Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ Tịch HĐQT	Kiểm Tổng Giám Đốc
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	Kiểm Phó Tổng Giám Đốc
- Ông Phạm Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	Kiểm Phó Tổng Giám Đốc
- Ông Hồ Sĩ Tiên	Thành viên HĐQT	Kiểm Phó Tổng Giám Đốc
- Bà Đào Thị Hải	Thành viên HĐQT	
B. Ban Kiểm Soát :		
- Bà Vũ Thị Huệ	Trưởng Ban	Kiểm phó phòng Kế Toán
- Ông Trịnh Văn Tú	Thành viên	Kiểm phó phòng TCHC
- Ông Hoàng Văn Thao	Thành viên	Kiểm GD xí nghiệp TCCG

1.2 Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị năm 2010 :

1.2.1 Các cuộc họp và nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị : (từ tháng 01/2010 đến tháng 12/2010)

Trong năm 2010, được sự ủy quyền của Đại Hội Cổ Đông trong công tác chỉ đạo chiến lược sản xuất kinh doanh, Hội Đồng Quản Trị đã tiến hành họp định kỳ (14 lần) và ban hành các nghị quyết về xây dựng và định hướng cho Ban Giám Đốc công ty thực hiện các chương trình hành động tích cực và đồng bộ, đảm bảo hoạt động có hiệu quả và tuân thủ đúng điều lệ của công ty với những nội dung như sau :

- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban Điều Hành.

- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Điều Hành gửi báo cáo HĐQT.

- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban Điều Hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành.

- Các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ trong công ty thực hiện công tác quản lý, giám sát qua các chế độ kiểm tra, báo cáo các buổi họp và làm việc với Ban Điều Hành cũng như tại các phiên họp HĐQT.

HĐQT đã nghiên cứu, đánh giá và đưa ra các chỉ đạo hoạt động theo quy định và chỉ đạo Ban Điều Hành thực hiện công tác quản lý và kinh doanh thường kỳ của công ty, cụ thể :

- + Xây dựng chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2009-2015.

- + Xây dựng kế hoạch kinh doanh chi tiết và các biện pháp triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2010.

- + Hoàn thiện cơ cấu bộ máy tổ chức cho phù hợp với quy mô phát triển công ty và môi trường kinh doanh năm 2010 với mục tiêu gọn nhẹ, hiệu quả.

+ Hoàn thiện cơ chế trả lương, trả thưởng đảm bảo tính cạnh tranh và gắn thu nhập của người lao động với hiệu quả kinh doanh.

+ Chủ động phối hợp tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát đối với hoạt động kinh doanh. Thông qua các đợt kiểm tra giám sát, HĐQT đã nêu ra các hạn chế, thiếu sót đang tồn tại đối với hoạt động kinh doanh của công ty, chỉ đạo quyết liệt công tác rà soát hoạt động quản lý và kinh doanh của công ty, đồng thời đưa ra các giải pháp khắc phục cụ thể và yêu cầu Ban Điều Hành công ty tổ chức triển khai thực hiện và đã có một số kết quả nhất định.

1.2.2 Báo cáo giám sát Ban Điều Hành :

Trong năm 2010 vừa qua, Ban Điều hành đã thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị đã đề ra. Ban điều hành đã cùng với toàn bộ CB.CNV công ty nỗ lực hết mình để vượt qua giai đoạn khó khăn nhất, đã giữ vững tinh thần để hoàn thành công tác nhiệm vụ được giao.

1.3 Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2010 :

Ban Kiểm Soát hoạt động theo điều 123 và 124 của Luật Doanh Nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc Hội.

Các hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2010 :

- Tham gia các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị
- Tham gia các cuộc họp Ban Lãnh Đạo cùng các phòng ban về kế hoạch, chiến lược đầu tư của công ty.
- Tham gia làm việc cùng công ty Kiểm Toán Độc Lập, xem xét báo cáo tài chính của đơn vị đã được Công Ty Kiểm Toán Vũng Tàu kiểm toán.

Căn cứ vào chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật hiện hành về tài chính – kế toán thì báo cáo tài chính năm 2010 do công ty Cổ Phần Phát Triển Công Viên Cây Xanh & Đô Thị Vũng Tàu lập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, nguồn vốn và kết quả kinh doanh năm 2010.

Căn cứ báo cáo của Ban Kiểm Soát và biên bản kiểm toán của công ty Kiểm Toán Vũng Tàu, sau khi được Hội Đồng Quản Trị thông qua, Ban Điều hành báo cáo chi tiết cụ thể về việc phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức theo điều lệ và kế hoạch SXKD năm 2010 trình Hội Đồng Quản Trị xem xét để báo cáo Đại Hội Cổ Đông biểu quyết thông qua.

Số liệu trong báo cáo tài chính năm 2010 của Ban Kiểm Soát phù hợp với nội dung báo cáo tài chính của công ty Cổ Phần Phát Triển Công Viên Cây Xanh & Đô Thị Vũng Tàu đã được công ty Kiểm Toán Vũng Tàu kiểm toán.

1.4 Thù lao của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát của công ty :

- Tổng mức thù lao Hội Đồng Quản Trị là 186.000.000 đồng/năm, cụ thể :
 - + Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị : 5.000.000 đồng/ tháng.
 - + Thành viên Hội Đồng Quản Trị trực tiếp tham gia điều hành SXKD : 3.000.000 đồng/tháng
 - + Thành viên Hội Đồng Quản Trị không tham gia điều hành SXKD : 1.500.000 đồng/tháng
- Tổng mức thù lao Ban Kiểm Soát 60.000.000 đồng/năm, cụ thể :
 - + Trưởng Ban Kiểm Soát : 2.000.000 đồng/ tháng
 - + Thành viên Ban Kiểm Soát : 1.500.000 đồng/ tháng

Tổng mức chi trả thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm Soát trong năm 2010 là : 246.000.000 đồng.

1.5 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội Đồng Quản Trị :

STT	Tên Thành viên	Chức vụ	Số Cổ Phần	Tỷ Lệ (%)
01	Nguyễn Đức Tài + Cá nhân + Ủy quyền	Chủ Tịch	2.165.384 125.384 2.040.000	63,68 3,68 60,00
02	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	32.500	0,95
03	Phạm Thị Thu Hà	Thành viên	65.249	1,92
04	Hồ Sĩ Tiến	Thành viên	31.000	0,91
05	Đào Thị Hải (PGĐCty CP Hải Uyên được người đại diện của Cty CP Hải Uyên ủy quyền nắm giữ 136.541 CP)	Thành viên	136.541	4,02

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại ngày 31/12/2010 :

2.1 Thông tin chung về cơ cấu vốn cổ đông :

STT	Cổ Đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
01	Trong nước	368	3.400.000	100,00
01	- Nhà nước	01	2.040.000	60,00
	- Tổ chức	02	246.541	7,25
	- Cá nhân	365	1.113.459	32,75
02	Nước ngoài	0	0	0
	- Tổ chức	0	0	0
	- Cá nhân	0	0	0
	Tổng cộng	368	3.400.000	100

2.2 Thông tin chi tiết về cổ đông lớn :

Tên Cổ Đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần	Biến động tỷ lệ sở hữu cổ phần
Nhà nước	UBND Tỉnh BR-VT		2.040.000	60	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN
CÂY XANH & ĐÔ THỊ VŨNG TÀU
CHỦ TỊCH HĐQT**

Đã ký

NGUYỄN ĐỨC TÀI

